|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**  Số: 09/2019/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định một số nội dung chi trả dịch vụ môi trường**

**rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 51/TTr-SNN-QBVPTR ngày 27 tháng 02 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quyết định này quy định một số nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Hệ số K thành phần thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2, phần II, Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Đối tượng được tạm ứng: Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng; đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chi trả.

b) Số lần tạm ứng là một lần trong năm kế hoạch; tỷ lệ tạm ứng tối đa 50% tổng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng mà các đối tượng được nhận trong năm theo kế hoạch thu, chi đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt.

3. Đối với diện tích rừng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng từ một bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, thì phần chi trả lớn hơn 2 lần đó sẽ được điều tiết cho diện tích rừng của đối tượng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên, mức điều tiết không quá 50% số tiền lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng cho 01 đối tượng.

4. Kinh phí dự phòng hàng năm được trích 5% trên tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019, thay thế Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy định một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như điều 3;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Bộ Tài chính;  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản QPPL);  - TTr Tỉnh ủy;  - TTr HĐND tỉnh;  - Chủ tịch UBND tỉnh;  - Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;  **-** Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;  - Lưu: VT, KTTH (60b). | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN  CHỦ TỊCH**  *(Đã ký)*  **Nguyễn Văn Sơn** |